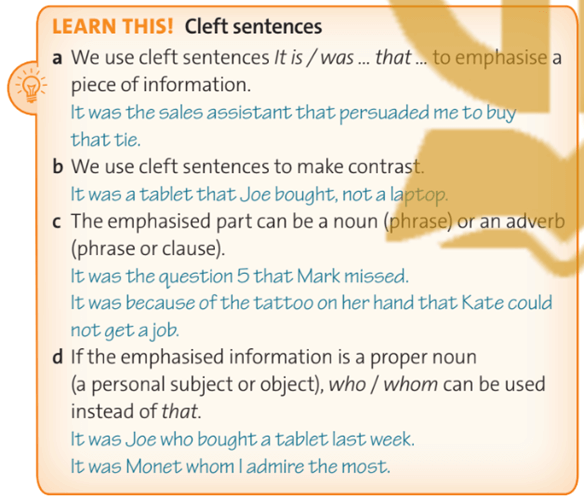
# Unit 6B. Grammar (trang 74)

**Tiếng Anh 11 Unit 6B Grammar trang 74 - Friends Global**  
**1 (trang 74 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the article. What qualities does she think young people should have to set up their own business successfully? (Đọc bài viết. Bà nghĩ những người trẻ nên có những phẩm chất gì để thành lập doanh nghiệp của riêng mình thành công?)  
Amelia Humfress is a 24-year-old entrepreneur whose aim is to make her own company, Steer, the best in the world for teaching people how to make their own websites. She has decided that it is the courses of Steer that can make it different from other companies. The courses vary from web design to computer coding. They focus more on the learners’ chances to experience and practice rather than theoretical lessons. Amelia did not start out setting up such a school. It was when she was looking for a web design course for herself that the idea for the company Steer came to her. Her plan grew slowly. At first, she lacked confidence, but she then found an office where she could start the business. Soon her business grew quickly. Amelia thinks that more young people should start the businesses that they dream about. It is just a lack of confidence, not any other factor that holds them back.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Amelia Humfress là một doanh nhân 24 tuổi với mục tiêu xây dựng công ty riêng của mình, Steer, trở thành công ty tốt nhất trên thế giới về dạy mọi người cách tạo trang web của riêng họ. Cô ấy đã quyết định rằng chính các khóa học của Steer có thể khiến nó trở nên khác biệt so với các công ty khác. Các khóa học khác nhau, từ thiết kế web đến mã hóa máy tính. Họ tập trung nhiều hơn vào cơ hội trải nghiệm và thực hành của người học hơn là các bài học lý thuyết. Amelia không bắt đầu thành lập một ngôi trường như vậy. Khi cô đang tìm kiếm một khóa học thiết kế web cho mình thì ý tưởng thành lập công ty Steer đã đến với cô. Kế hoạch của cô phát triển chậm rãi. Lúc đầu, cô thiếu tự tin nhưng sau đó cô đã tìm được một văn phòng để có thể bắt đầu kinh doanh. Chẳng mấy chốc, công việc kinh doanh của cô phát triển nhanh chóng. Amelia cho rằng nhiều người trẻ nên bắt đầu công việc kinh doanh mà họ mơ ước. Chỉ là sự thiếu tự tin chứ không phải yếu tố nào khác đã cản trở họ.  
  
**2 (trang 74 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. Underline three examples of use a, b and c in the article. (Đọc Learn this!. Gạch dưới ba ví dụ sử dụng a, b, c trong bài)  
  
**Đáp án:**  
1. She has decided that it is the courses of Steer that can make it different from other companies.  
2. It was when she was looking for a web design course for herself that the idea for the company Steer came to her.  
3. It is just a lack of confidence, not any other factor that holds them back.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Cô ấy đã quyết định rằng chính các khóa học của Steer có thể khiến nó trở nên khác biệt so với các công ty khác.  
2. Khi cô đang tìm kiếm một khóa học thiết kế web cho riêng mình thì ý tưởng thành lập công ty Steer đã đến với cô.  
3. Chỉ là sự thiếu tự tin thôi chứ không phải yếu tố nào khác đã cản trở họ.  
  
**3 (trang 74 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Finish each of the following sentences emphasising the underlined information. (Hoàn thành mỗi câu sau đây nhấn mạnh thông tin được gạch chân)  
1. Dancers in A O Show gave their performance .  
It was with great devotion that dancers in AO Show gave their performance.  
2. The Vietnamese silk paintings typically depict .  
It \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
3. painted Starry Night, not Gaugin.  
It \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
4. We missed the chance to meet a celebrity .  
It \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
5. has mentioned some new design techniques.  
It \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
**Đáp án:**  
2. It is the countryside and landscapes that Vietnamese silk paintings typically depict.  
3. It was Vincent van Gogh who painted Starry Night, not Gaugin.  
4. It was because we came so late that we missed the chance to meet a celebrity.  
5. It is the young entrepreneur who has mentioned some new design techniques.  
**Giải thích:**  
Cấu trúc câu chẻ: It + tobe + đối tượng nhấn mạnh + that + S + V.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Các vũ công trong AO Show đã cống hiến hết mình cho màn trình diễn của mình.  
2. Tranh lụa Việt Nam thường miêu tả cảnh quê hương.  
3. Vincent van Gogh là người vẽ Starry Night chứ không phải Gaugin.  
4. Vì đến quá muộn nên chúng tôi đã bỏ lỡ cơ hội gặp người nổi tiếng.  
5. Chính doanh nhân trẻ đã đề cập đến một số kỹ thuật thiết kế mới.  
  
**4 (trang 74 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Make cleft sentences from the following cues. (Đặt câu chẻ từ các gợi ý sau)  
1. It / be / creativity and inspiration / most artists / need  
It is creativity and inspiration that most artists need.  
2. It / be / with / self-confidence / scientists / make / good inventions  
3. It / be / sociability / some jobs / require / not intelligence  
4. It / be / Dame Anita Roddick / found / The Body Shop / in 1976  
5. It / be / because / they / have / colourful tones and optimistic images / Dong Ho paintings / be / part of Vietnamese Tet holidays  
**Đáp án:**  
2. It is with self-confidence that scientists make good inventions.  
3. It is sociability that some jobs require, not intelligence.  
4. It was Dame Anita Roddick who found The Body Shop in 1976.  
5. It is because they have colourful tones and optimistic images that Dong Ho paintings are a part of Vietnamese Tet holidays.  
**Giải thích:**  
Cấu trúc câu chẻ: It + tobe + đối tượng nhấn mạnh + that + S + V.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Đó là sự sáng tạo và cảm hứng mà hầu hết các nghệ sĩ đều cần.  
2. Chính nhờ sự tự tin mà các nhà khoa học tạo ra những phát minh tốt.  
3. Một số công việc đòi hỏi tính hòa đồng chứ không phải trí thông minh.  
4. Dame Anita Roddick là người sáng lập The Body Shop vào năm 1976.  
5. Chính vì có tông màu sặc sỡ, hình ảnh lạc quan nên tranh Đông Hồ là một phần trong ngày Tết của người Việt.  
  
**5 (trang 74 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: USE OF ENGLISH Reread the Learn this! box. Identify the mistake in each of the following sentences. (Đọc lại Learn this. Xác định lỗi sai trong mỗi câu sau)  
1. It is sympathy, not pride brings friends together.  
2. It is a leading environmentalist that came to our school club last month.  
3. It was Monday that the winners of the school sports games were awarded.  
4. It was when Jack came back from the war we learnt the truth about his cousins.  
5. It is shyness that the teacher wants the children to grow out of it.  
6. It was Rachel Carson that wrote Silent Spring, not Julia Hill.  
**Đáp án:**  
1. It is sympathy, not pride, that brings friends together.  
2. It was a leading environmentalist who came to our school club last month.  
3. It was on Monday that the winners of the school sports games were awarded.  
4. It was when Jack came back from the war that we learned the truth about his cousins.  
5. It is shyness that the teacher wants the children to grow out of.  
6. It was Rachel Carson who wrote Silent Spring, not Julia Hill.  
**Giải thích:**  
Cấu trúc câu chẻ: It + tobe + đối tượng nhấn mạnh + that + S + V.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Chính sự cảm thông chứ không phải niềm tự hào đã gắn kết bạn bè lại với nhau.  
2. Tháng trước có một nhà hoạt động môi trường hàng đầu đã đến câu lạc bộ trường chúng tôi.  
3. Vào thứ Hai, người chiến thắng trong các trò chơi thể thao của trường sẽ được trao giải.  
4. Khi Jack trở về sau chiến tranh, chúng ta mới biết được sự thật về anh em họ của anh ấy.  
5. Sự nhút nhát mà giáo viên muốn trẻ thoát khỏi.  
6. Rachel Carson là người viết Silent Spring chứ không phải Julia Hill.  
  
**6 (trang 74 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Ask and answer about your favourite high-flyer. The following cues can help you. (Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về người bay cao yêu thích của bạn. Các gợi ý sau đây có thể giúp bạn)  
1. The high-flyer you admire  
2. How you got to know about him / her  
3. The reason why you like him / her  
4. What you think decides his / her success  
**Gợi ý:**  
A: Who is the high flyer you admire?  
B: I admire Elon Musk.  
A: How did you get to know about him?  
B: I first heard about him through his company Tesla and then I researched more about him.  
A: What is the reason why you like him?  
B: I like him because he is a visionary and always thinks outside the box. He is not afraid to take risks and tries to make a positive impact on the world.  
A: What do you think decides his success?  
B: I think his ability to innovate and his willingness to take risks are the main factors that have led to his success. He is not afraid of failure and is always looking for ways to improve and innovate.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Ai là người bay cao mà bạn ngưỡng mộ?  
B: Tôi ngưỡng mộ Elon Musk.  
A: Bạn biết về anh ấy như thế nào?  
B: Lần đầu tiên tôi nghe nói về anh ấy thông qua công ty Tesla của anh ấy và sau đó tôi đã nghiên cứu thêm về anh ấy.  
A: Lý do tại sao bạn thích anh ấy là gì?  
B: Tôi thích anh ấy vì anh ấy là người có tầm nhìn xa trông rộng và luôn suy nghĩ vượt trội. Anh ấy không ngại mạo hiểm và cố gắng tạo ra tác động tích cực đến thế giới.  
A: Bạn nghĩ điều gì quyết định thành công của anh ấy?  
B: Tôi nghĩ khả năng đổi mới và sẵn sàng chấp nhận rủi ro của anh ấy là những yếu tố chính dẫn đến thành công của anh ấy. Anh ấy không sợ thất bại và luôn tìm cách cải tiến và đổi mới.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 6A. Vocabulary (trang 72, 73)**  
**Unit 6C. Listening (trang 75)**  
**Unit 6D. Grammar (trang 76)**  
**Unit 6E. Word Skills (trang 77)**  
**Unit 6F. Reading (trang 78, 79)**  
**Unit 6G. Speaking (trang 80)**  
**Unit 6H. Writing (trang 81)**  
**Unit 6I. Culture (trang 82)**  
**Review Unit 6 (trang 83)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 7: Artists